

Số: /KH-SKHCN

Quảng Trị, ngày tháng 11 năm 2024

KẾ HOẠCH

Kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước thuộc tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh về việc kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước thuộc tỉnh Quảng Trị; Sở Khoa học và Công nghệ lập kế hoạch kiểm tra như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá việc áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh Quảng Trị, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính của tỉnh.

- Phát hiện và xử lý kịp thời những vấn đề vướng mắc, những bất cập trong quá trình áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL.

- Thông qua hoạt động kiểm tra giúp tăng cường hoạt động thông tin truyền thông, phổ biến, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc thực Quyết định số 9/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Yêu cầu

- Hoạt động kiểm tra tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật khác có liên quan, đảm bảo tính chính xác, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch nhằm phản ánh đúng thực tế về việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL.

- Qua công tác kiểm tra, kịp thời đề xuất những kiến nghị trong công tác chỉ đạo, điều hành trong quá trình áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL nhằm nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của việc áp dụng Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015.

II. NỘI DUNG

1. Nội dung kiểm tra

a) Kiểm tra hoạt động áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo yêu cầu của Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015:

- Phạm vi áp dụng bao gồm toàn bộ hoạt động liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan.

- Hoạt động phổ biến, hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng HTQLCL.

- Sự tuân thủ của cơ quan đối với tất cả các yêu cầu của Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015, chính sách, mục tiêu, quy trình, thủ tục, các quy định có liên quan khác và yêu cầu của pháp luật liên quan.

- Việc thực hiện các quá trình giải quyết công việc và các quá trình được xác định trong hệ thống quản lý chất lượng.

- Hoạt động xem xét của Lãnh đạo và hoạt động đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp.

- Hoạt động xử lý các khiếu nại liên quan đến lĩnh vực áp dụng HTQLCL (nếu có).

- Hoạt động cải tiến trong HTQLCL.

b) Kiểm tra việc tuân thủ theo các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ:

- Việc bảo đảm sự tham gia của lãnh đạo, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng HTQLCL.

- Việc người đứng đầu cơ quan xác nhận hiệu lực của HTQLCL.

- Việc công bố HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thông báo bằng văn bản đến đơn vị chủ trì để theo dõi, tổng hợp; niêm yết tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên mạng thông tin điện tử của cơ quan (nếu có).

- Việc cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL

- Việc công bố lại khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng HTQLCL.

2. Hình thức kiểm tra, đối tượng và thời gian kiểm tra

a) Hình thức kiểm tra: Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị hoặc kiểm tra thông qua hồ sơ và báo cáo.

Đối với kiểm tra trực tiếp:

- Đoàn kiểm tra ISO tiến hành kiểm tra trực tiếp tại trụ sở cơ quan, đơn vị được kiểm tra về tình hình áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo các nội dung tại khoản 1 mục II của Kế hoạch này qua các hồ sơ thực tế, phỏng vấn lãnh đạo, cán bộ, nhân viên của cơ quan, đơn vị và quan sát các hoạt động thực tế.

- Cơ quan được kiểm tra có trách nhiệm giải trình về vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra; cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu theo yêu

cầu của Đoàn kiểm tra ISO và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

- Cơ quan được kiểm tra thực hiện hoặc đề xuất hành động khắc phục đối với các vấn đề tồn tại (nếu có) được nêu trong Biên bản kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện về Đoàn kiểm tra ISO trong thời gian không quá 02 (hai) tháng kể từ ngày ký Biên bản kiểm tra.

Kiểm tra thông qua hồ sơ và báo cáo: Đoàn kiểm tra sẽ tiến hành kiểm tra thông qua báo cáo và các tài liệu kiểm chứng chứng minh việc áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 của các đơn vị.

b) Đối tượng kiểm tra: các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện.

c) Thời gian thực hiện: từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2024.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành phần đoàn kiểm tra: 05 người

- Lãnh đạo Sở 01 người

- Phòng Quản lý TCĐLCL 04 người

2. Tiến độ thực hiện:

- Từ ngày 12/11/2024 đến ngày 27/11/2024: tiến hành kiểm tra việc áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trực tiếp tại các đơn vị (*Phụ lục kèm theo*).

- Từ ngày 12/11/2024 đến ngày 15/12/2024 tiến hành kiểm tra thông qua hồ sơ báo cáo và các tài liệu kiểm chứng chứng minh việc áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 của các đơn vị (*Phụ lục kèm theo*).

3. Chế độ thông tin, báo cáo:

- Báo cáo kết quả kiểm tra theo quy định gửi UBND tỉnh trước ngày 25/12/2024.

4. Nhiệm vụ của Đoàn kiểm tra:

- Lập danh sách các đơn vị được kiểm tra, thời gian kiểm tra và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng kiểm tra về hồ sơ, báo cáo theo quy định.

- Thực hiện việc kiểm tra tại các đơn vị theo nội dung Kế hoạch này; Báo cáo kết quả kiểm tra theo quy định gửi UBND tỉnh.

- Tham mưu Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết những khó khăn, vướng mắc, những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền trong quá trình kiểm tra ISO.

5. Các cơ quan hành chính nhà nước được kiểm tra

- Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu có liên quan đến HTQLCL và bố trí nhân sự có đủ thẩm quyền để làm việc với Đoàn kiểm tra khi đến làm việc tại trụ sở đơn vị theo kế hoạch.

- Các đơn vị được kiểm tra hồ sơ gửi báo cáo và các tài liệu kiểm chứng chứng minh việc áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 của đơn vị theo đúng thời gian, nội dung yêu cầu.

6. Phương tiện đi lại:

- Xe 74A-004.40/ khoán xăng xe

7. Kinh phí: Từ nguồn Kinh phí hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2024./

Nơi nhận:

- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLTĐC.

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Lân

PHỤ LỤC

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SKHCCN ngày / 11/2024 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ)

| TT | Tên cơ quan được kiểm tra | Hình thức kiểm tra | | Thời gian kiểm tra |
|-----------|--|----------------------------|--------------------|--------------------|
| | | Thông qua hồ sơ và báo cáo | Tại trụ sở cơ quan | |
| I | Các cơ quan chuyên môn cấp Tỉnh | | | |
| 1 | Sở Nội vụ | x | | 12/11–15/12 |
| 2 | Sở Tài chính | x | | nt |
| 3 | Văn phòng UBND tỉnh | x | | nt |
| 4 | Sở Tư pháp | x | | nt |
| 5 | Sở Công Thương | x | | nt |
| 6 | Sở Giao thông Vận tải | | x | 12/11 |
| 7 | Sở Xây dựng | | x | 13/11 |
| 8 | Thanh tra tỉnh | x | | 12/11–15/12 |
| 9 | Sở Ngoại Vụ | | x | 14/11 |
| 10 | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | | x | 15/11 |
| 11 | Sở Giáo dục và Đào tạo | x | | 12/11–15/12 |
| 12 | Sở Khoa học và Công nghệ | x | | nt |
| 13 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | x | | nt |
| 14 | Sở Nông nghiệp và PTNT | x | | nt |
| 15 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | x | | nt |
| 16 | Sở Thông tin và Truyền thông | | x | 18/11 |
| 17 | Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh | | x | 19/11 |
| 18 | Sở Tài nguyên và Môi trường | x | | 12/11–15/12 |
| 19 | Sở Y tế | x | | nt |
| 20 | Ban Dân tộc tỉnh | x | | nt |
| II | UBND các huyện, thị xã và thành phố | | | |
| 1 | UBND thành phố Đông Hà | x | | 12/11–15/12 |
| 2 | UBND huyện Cam Lộ | | x | 20/11 |
| 3 | UBND huyện Gio Linh | | x | 21/11 |
| 4 | UBND huyện Triệu Phong | x | | 12/11–15/12 |
| 5 | UBND thị xã Quảng Trị | x | | nt |
| 6 | UBND huyện Hải Lăng | x | | nt |
| 7 | UBND huyện Vĩnh Linh | x | x | 22/11 |
| 8 | UBND huyện Đakrông | | | 12/11–15/12 |
| 9 | UBND huyện Hướng Hóa | | x | 25/11 |
| 10 | UBND huyện Đảo Cồn Cỏ | x | | 12/11–15/12 |

| III | Các Chi cục trực thuộc | | | |
|------------|---|---|---|-------------|
| 1 | Chi cục Kiểm lâm | x | | 12/11–15/12 |
| 2 | Chi cục Thủy sản | x | | nt |
| 3 | Chi cục Chăn nuôi và Thú y | | x | 26/11 |
| 4 | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | x | | 12/11–15/12 |
| 5 | Chi cục Phát triển nông thôn | x | | nt |
| 6 | Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai | x | | nt |
| 7 | Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản | | x | 27/11 |